

HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC XÂY DỰNG MÔ HÌNH NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ VÀ GIÁ TRỊ TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ĐÀO THỊ BÍCH HỒNG*

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đó là thắng lợi của đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn của Đảng và tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh, dẫn đến sự ra đời Nhà nước Cộng hòa Dân chủ. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thành quả quan trọng của Cách mạng tháng Tám là một nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; phản ánh tính chất và lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc điển hình, một hình thức chính quyền phù hợp với yêu cầu của thực tiễn cách mạng Việt Nam. Bài viết tập trung làm rõ những đóng góp của Hồ Chí Minh đối với việc lựa chọn con đường phát triển cho cách mạng Việt Nam, sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa; quá trình hiện thực mô hình Nhà nước Cộng hòa Dân chủ và giá trị đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; mô hình nhà nước, nhà nước Cộng hòa Dân chủ, nhà nước pháp quyền, Việt Nam

Nhận bài ngày: 19/5/2024; đưa vào biên tập: 23/5/2024; phản biện: 08/7/2024; duyệt đăng: 25/8/2024

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giành chính quyền, thiết lập nhà nước là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Trong hành trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã phải trải qua một quá trình tìm tòi, khảo nghiệm sâu sắc nhiều cuộc cách mạng để xác định một mô hình nhà nước thích hợp. Đó là mô hình nhà nước cộng hòa dân chủ của nhân dân, do nhân dân

và vì nhân dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Hiện nay, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng nhà nước với mục tiêu phát huy ngày càng đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, cần phải bảo đảm tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đều xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến.

* Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

2. NỘI DUNG

2.1. Lựa chọn con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - cơ sở để Nguyễn Ái Quốc xác định mô hình chính quyền nhà nước cho Việt Nam

Trong điều kiện một nước thuộc địa với những tàn tích phong kiến còn rất nặng nề, nhiệm vụ cách mạng quan trọng được đặt lên hàng đầu ở Việt Nam là phải tiến hành giải phóng dân tộc, xóa bỏ chế độ phong kiến, lựa chọn con đường phát triển mới cho đất nước và xác định hình thức chính quyền nhà nước phù hợp.

Vào độ tuổi 13, khi được đọc khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”, Nguyễn Ái Quốc “muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những chữ ấy” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 1: 461). Năm 1924, khi trả lời phỏng vấn của báo *L'unità* của Đảng Cộng sản Ý, Người nói: “Trước đây tôi có đọc một số tờ báo phát hành sang nước tôi..., vì thế tôi nảy ra ý muốn sang xem “mẫu quốc” ra sao và tôi đã tới Pari” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 1: 465). Năm 1911, trước khi ra đi, Nguyễn Ái Quốc đã bàn với một người bạn: “Tôi muốn đi ra ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta” (Trần Dân Tiên, 2005: 13-14). Như vậy, mục đích chuyến đi của Nguyễn Tất Thành chưa phải là tìm kiếm một mô hình nhà nước hay một mô hình hệ thống chính trị, càng không phải để cầu viện, mà là để tìm hiểu thế giới bên ngoài, nhất là thế

giới phương Tây, với hy vọng xác định được một con đường cứu nước đúng đắn.

Từ thực tiễn lịch sử nhân loại, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lột công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 2: 296). Người chủ trương: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 2: 292).

Năm 1920, mặc dù chưa có điều kiện khảo cứu về Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình nhà nước Xô viết, chưa quyết định lựa chọn một mô hình nhà nước hay mô hình hệ thống chính trị mới cho Việt Nam, nhưng khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã xác định con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam theo khuynh hướng vô sản.

Nguyễn Ái Quốc tin theo Lênin và Quốc tế thứ ba không phải vì đã có sự hiểu biết về cách mạng vô sản, mà vì Lênin và Quốc tế thứ ba “bênh vực nhân dân các nước thuộc địa”. Sau này, trong bài *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*, Người viết: “Lúc bấy giờ, tôi ủng hộ Cách mạng tháng

Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên. Tôi chưa hiểu hết tầm quan trọng lịch sử của nó. Tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình; trước đó, tôi chưa hề đọc một quyển sách nào của Lênin”; “Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi đến tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 12: 561, 563).

Cũng như các nhà cách mạng tiền bối, Nguyễn Ái Quốc gắn cứu nước với cứu dân, cứu nước là cứu dân, cứu dân là cứu nước, đó không phải là hai mục tiêu, mà chỉ là một. Con đường phát triển của đất nước sau khi giành độc lập đối với Nguyễn Ái Quốc không phải là con đường tư bản chủ nghĩa, mà là con đường chủ nghĩa xã hội.

Giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội chính là cơ sở để sau này Nguyễn Ái Quốc xác định một mô hình chính quyền nhà nước cho Việt Nam.

2.2. Quá trình hình thành mô hình chính quyền nhà nước ở Việt Nam

Trong những năm 1920, Nguyễn Ái Quốc kiên trì, bền bỉ xây dựng và truyền bá lý luận cách mạng giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản vào Việt Nam. Đây cũng là khoảng thời gian Người quan tâm đến việc xác định một mô hình nhà nước. Cuối năm 1923, Người đến Liên Xô, tìm hiểu thực tiễn và học tập lý luận. Đến thời điểm này, Người nhận thấy trên thế giới lúc đó, chỉ có Cách mạng

tháng Mười Nga là “thành công đến nơi”.

Hình thức chính quyền nhà nước phản ánh tính chất của cách mạng, lực lượng tham gia cách mạng. Dưới chính sách thống trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, không chỉ có công nhân và nông dân mà còn có tiểu tư sản, tư sản dân tộc, địa chủ vừa và nhỏ cũng là những giai cấp bị trị, phải chịu nỗi nhục mất nước. Mặc dù các giai cấp này đều có mặt hạn chế nhưng ở mức độ khác nhau đều mâu thuẫn với thực dân Pháp về quyền lợi dân tộc và có khả năng tham gia cách mạng giải phóng dân tộc. Khi lực lượng tham gia cách mạng giải phóng dân tộc là toàn thể dân tộc thì Việt Nam cần có một hình thức chính quyền rộng rãi. Ngoài lực lượng chủ yếu là công nhân và nông dân còn phải bao gồm các giai cấp và tầng lớp yêu nước khác.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và được Hội nghị thành lập Đảng thông qua đầu năm 1930, xác định phương hướng chiến lược “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Trong giai đoạn tư sản dân quyền cách mạng, Cương lĩnh đặt lên hàng đầu nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến tay sai, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và chủ trương “dựng ra Chính phủ công nông binh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1998, tập 2: 2). Đó là hình thức chính quyền của đông đảo quần

chúng lao động bị áp bức vùng lên đấu tranh vì độc lập tự do.

Trong những năm 1936-1939 (khi Nguyễn Ái Quốc còn hoạt động ở nước ngoài), Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra chủ trương đấu tranh chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi các quyền tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử lúc đó, nên chưa chủ trương giành chính quyền, và cũng chưa xác định một mô hình hệ thống chính trị cụ thể.

Bước vào những năm trực tiếp vận động giải phóng dân tộc 1939-1945, căn cứ vào tình hình thế giới và Đông Dương, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 11/1939 đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, chỉ rõ: “Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, cả vấn đề điền địa, cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết”, “mặt trận phản đế chưa đưa khẩu hiệu lập Chính phủ ‘Xôviết công nông binh’ là hình thức chính phủ riêng của dân chúng lao động, mà đưa khẩu hiệu ‘*Chính phủ Liên bang Cộng hòa Dân chủ Đông Dương*’ là hình thức chính phủ chung cho tất cả các tầng lớp dân chúng trong xứ và trong phong trào giải phóng dân tộc...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, tập 6: 539). Như vậy, giai đoạn này Đảng đã chủ trương thành lập Chính phủ Liên bang Cộng hòa Dân chủ Đông Dương, là chính phủ của tất cả các tầng lớp dân chúng

trên toàn Đông Dương. Với mô hình chính phủ này, tuy tập hợp lực lượng rộng rãi hơn, song quyền tự quyết của từng quốc gia dân tộc lại chưa được thực hiện.

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5/1941) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã phân tích các quan hệ giai cấp xã hội và chỉ rõ: “Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, tập 7: 112). Hội nghị khẳng định: “cần phải thay đổi chiến lược” và giải thích: “cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”, vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, tập 7: 118-119).

Hội nghị họp tháng 5/1941, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, thành lập ở mỗi nước một mặt trận riêng và chủ trương “sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần tân dân chủ. Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung của toàn thể dân tộc, chỉ trừ có bọn tay sai của đế quốc Pháp - Nhật và những bọn phản quốc,

những bọn thù, không được giữ chính quyền, còn ai là người dân sống trên dải đất Việt Nam thảy đều được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, tập 7: 114).

Hội nghị còn chỉ rõ, trong khi tuyên truyền “Không nên nói đánh đổ Nam triều phong kiến và tịch thu ruộng đất của địa chủ mà nói diệt trừ bọn Việt gian phản quốc..., không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xôviết mà phải nói *toàn thể nhân dân liên hiệp và lập chính phủ dân chủ cộng hòa*”⁽¹⁾ (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, tập 7: 127).

Như vậy, từ mô hình *chính phủ công nông binh* (nêu trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên*), *chính phủ công nông theo hình thức xô viết* (nêu trong *Luận cương chính trị*), Chính phủ *Liên bang Cộng hòa Dân chủ Đông Dương* (Hội nghị 11/1939), đến mô hình Chính phủ *Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* (Hội nghị 5/1941) là cả một quá trình hoàn chỉnh trong nhận thức của Đảng về mô hình nhà nước cho Việt Nam, là đóng góp lớn của Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam.

2.3. Hiện thực hóa mô hình Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Tháng 10/1944, Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc, nêu rõ: “... chúng ta trước phải có một cái cơ cấu đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân ta. Mà cơ cấu ấy thì phải do

một cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang”; Người mong rằng: “các đảng phái và các đoàn thể đều ra sức chuẩn bị cùng nhau thảo luận, để khai cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 3: 537-538).

Từ trong những ngày gấp rút chuẩn bị tổng khởi nghĩa, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bắt đầu hình thành.

Trong cao trào kháng Nhật cứu nước, Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng ở các nhà máy, mỏ, làng, ấp, đường phố, trại lính, trường học, công tư sở... Những ủy ban này “vừa có tính chất mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, vừa có ý nghĩa “tiền chính phủ” của đồng bào trong các xí nghiệp, các làng”; thành lập “Ủy ban Nhân dân cách mạng” và “Ủy ban Công nhân cách mạng” ở những vùng quân du kích hoạt động; thành lập “Ủy ban Nhân dân cách mạng Việt Nam” theo hình thức một “Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, tập 7: 371).

Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị tổ chức các Ủy ban Dân tộc giải phóng từ cấp cơ sở đến toàn quốc. Đây là “hình thức tiền chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng”, “Ủy ban Dân

tộc giải phóng Việt Nam (toàn quốc) tức là Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, tập 7: 535).

Ngày 4/6/1945, Hội nghị cán bộ Việt Minh ra nghị quyết thành lập Khu giải phóng ở tất cả những khu vực Quân giải phóng đã chiếm được. Trong Khu giải phóng, những Ủy ban nhân dân cách mạng, do các giới đồng bào trực tiếp cử lên, đang dùng những phương pháp cách mạng mang lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân. “Hơn một triệu đồng bào đã bắt đầu được hưởng hạnh phúc cách mạng. Một nước *Việt Nam mới* đang nảy nở” (Nguyễn Văn Tố, 1955: 55).

Giữa tháng 8/1945, trong tình hình hết sức khẩn trương, Quốc dân đại hội được triệu tập tại Tân Trào đã cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam (tức Chính phủ lâm thời) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi về Hà Nội (25/8/1945), Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam tự cải tổ thành *Chính phủ lâm thời* nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với 15 thành viên do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Tuyên cáo của Chính phủ Lâm thời (28/8/1945) nêu rõ khẩu hiệu “Toàn dân đoàn kết! Tranh thủ hoàn toàn độc lập!” Đó “thật là một chính phủ quốc gia thống nhất giữ trọng trách là chỉ đạo cho toàn thể, đợi ngày triệu tập được Quốc hội để cử ra một Chính phủ Dân chủ Cộng hòa chính thức” (Việt Nam Quốc dân công báo, 29/9/1945).

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội) lễ Tuyên bố độc lập được tổ chức trọng thể. Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, tuyên bố trước đồng bào cả nước và toàn thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sau Chiến tranh thế giới thứ II, trong sự hình thành trật tự thế giới hai cực những đồng minh trong chiến tranh trở thành đối thủ của nhau, các thế lực đế quốc ùn ùn kéo vào Việt Nam. Mặc dù đã giành chính quyền thành công, song đứng trước tình hình mới, tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam vẫn là giải phóng dân tộc. Khẩu hiệu của nhân dân Việt Nam vẫn là “Dân tộc trên hết! Tổ quốc trên hết!” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, tập 8: 26). Để quản lý, điều hành đất nước, đối phó với thù trong, giặc ngoài, phải củng cố và tăng cường chính quyền nhà nước của nhân dân, mà trước hết phải thành lập chính phủ chính thức hợp hiến, hợp pháp và chế định một hiến pháp dân chủ.

Ngày 3/9/1945, Chính phủ lâm thời đề ra sáu nhiệm vụ cấp bách, trong đó có nhiệm vụ xây dựng bộ máy nhà nước, tổ chức Tổng tuyển cử bằng phổ thông đầu phiếu bầu Quốc hội để lập ra Chính phủ chính thức và ấn định hiến pháp. Chủ tịch Chính phủ ra một loạt sắc lệnh nhằm thực thi quyền làm chủ của nhân dân: Sắc lệnh số 14 (8/9/1945) quy định trong thời gian hai tháng sẽ mở cuộc Tổng tuyển cử bầu

Quốc hội và Quốc hội có toàn quyền ấn định hiến pháp, Sắc lệnh số 34 (20/9/1945) lập Ủy ban dự thảo *Hiến pháp*, Sắc lệnh số 39 (26/9/1945) thành lập Ủy ban dự thảo thể lệ tổng tuyển cử gồm 9 người, Sắc lệnh số 51 (17/10/1945) quy định tổng tuyển cử bằng cách phổ thông đầu phiếu...

Trong bối cảnh hết sức phức tạp, ngày 1/1/1946, Chính phủ lâm thời tự cải tổ thành *Chính phủ liên hiệp lâm thời* với 18 thành viên, mở rộng thêm một số thành viên của Việt Quốc, Việt Cách. Chính phủ liên hiệp lâm thời ra Tuyên bố chính sách đối nội, đối ngoại, và nêu rõ:

Việc chuẩn bị Tổng tuyển cử được Chính phủ chỉ đạo chặt chẽ và khẩn trương. Ngày 6/1/1946, cuộc Tổng tuyển cử đã bầu ra Quốc hội lập hiến đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với 333 đại biểu, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt về thể chế dân chủ của nước Việt Nam mới.

Ngày 2/3/1946, Quốc hội khóa I họp tại Nhà hát lớn thành phố Hà Nội. Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quốc hội đã chuẩn y việc mở rộng thêm 70 ghế đại biểu Quốc hội cho Việt Quốc và Việt Cách⁽²⁾. Quốc hội đã bầu Chủ tịch Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thần và giao cho hai vị thành lập Chính phủ mới. *Chính phủ liên hiệp kháng chiến* được thành lập gồm 12 thành viên (Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 10 bộ trưởng), trong đó có ba đại diện của Việt Minh, ba đại diện của Việt Quốc, hai đại diện của Việt Cách. Cố vấn đoàn do cố vấn tối cao

Vĩnh Thụy phụ trách. Kháng chiến ủy viên hội do Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch, Vũ Hồng Khanh làm Phó Chủ tịch.

Chính phủ liên hiệp kháng chiến được Quốc hội công nhận (2/3/1946) là Chính phủ chính thức đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một Chính phủ hợp pháp, có đầy đủ uy tín và hiệu lực đảm nhận trọng trách quản lý điều hành đất nước, với những hoạt động toàn diện, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến đến thắng lợi, kiến quốc đến thành công.

Chính phủ ra nhiều sắc lệnh và nghị định giải tán các đảng phái phản động, bãi bỏ tất cả các công sở, và các cơ quan thuộc phủ Toàn quyền Đông Dương đã thiết lập trên toàn nước Việt Nam, bãi bỏ các ngạch quan hành chính, tư pháp, các ngạch học quan của chế độ cũ.

Để đảm bảo quyền dân chủ của công dân Việt Nam, hệ thống quyền lực và hành chính ở địa phương được xây dựng. Chính phủ ra sắc lệnh về tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính ở cấp tỉnh và xã; ủy ban hành chính ở cấp kỳ và huyện. Hội đồng nhân dân do dân bầu ra theo lối phổ thông và trực tiếp đầu phiếu là cơ quan thay mặt cho dân. Ủy ban hành chính do các hội đồng nhân dân bầu ra là cơ quan hành chính, vừa thay mặt cho dân, vừa đại diện cho Chính phủ. Đến đầu tháng 3/1946, việc bầu cử hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính đã cơ bản hoàn thành ở các tỉnh Bắc Bộ và Trung Bộ. Ban Thanh tra đặc biệt và Tòa án đặc biệt được

thành lập, hoạt động có tính cách tạm thời theo quy định trong các sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ.

Ngày 9/11/1946, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đạo luật cơ bản của quốc gia độc lập có chủ quyền. Bản hiến pháp đầu tiên được xây dựng trên những nguyên tắc: đoàn kết toàn dân; đảm bảo các quyền tự do dân chủ; thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân.

Các quyền tự do báo chí được thực thi, tự do tín ngưỡng được tôn trọng trong khuôn khổ chế độ dân chủ cộng hòa.

Ngày 31/12/1945, Chủ tịch Chính phủ ra Sắc lệnh số 78, thành lập Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến thiết gồm 40 trí thức, nhân sĩ, bộ trưởng và thứ trưởng, với nhiệm vụ nghiên cứu một kế hoạch kiến thiết quốc gia về kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội, và dự thảo những đề án kiến thiết để trình Chính phủ.

Việt Nam Giải phóng quân đổi tên thành Vệ quốc đoàn, lực lượng dân quân phát triển rộng rãi khắp nơi. Việt Nam Công an vụ ra đời trên cơ sở thống nhất các Sở cảnh sát và Sở Liêm phóng. Hệ thống tòa án và các đoàn luật sư được thành lập.

Bộ máy chính quyền nhà nước dân chủ cộng hòa được kiện toàn từ Trung ương tới địa phương, với đủ các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, trở thành công cụ sắc bén phục vụ sự nghiệp kháng chiến kiến quốc.

2.4. Giá trị của việc xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đối với xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay

Tuyên ngôn của Quốc hội Việt Nam ngày 2/3/1946 khẳng định: “Chủ quyền của nước Việt Nam độc lập thuộc về toàn thể dân Việt Nam”; “Vận mệnh quốc gia Việt Nam ở trong tay Quốc hội, chính thể của nước Việt Nam là chính thể dân chủ cộng hòa, có nhiệm vụ bảo vệ tự do và mưu đồ hạnh phúc cho mọi tầng lớp nhân dân. Các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam đều có quyền hạn và nhiệm vụ ngang nhau”; “Quốc hội Việt Nam kiên quyết bảo vệ đến cùng nền độc lập và lãnh thổ của quốc gia và quyền tự do của nhân dân Việt Nam” (Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam, 2006, tập 1: 377-378).

Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Việt Nam thấy được chính quyền Nhà nước mới do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo là chính quyền của mình, là công cụ để xây dựng xã hội mới. Những nguyện vọng của nhân dân từng bước được thực hiện.

Về *đối nội*, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã xóa bỏ những di tích của chế độ thực dân phong kiến, từng bước ban hành những luật pháp căn bản làm nền tảng cho chính quyền mới của nhân dân: đảm bảo các quyền tự do dân chủ, tự do cá nhân, tổ chức bầu cử hội đồng nhân dân, ban hành chế độ lao động ngày làm 8 giờ, thực hiện giảm tô, tổ chức tổng tuyển cử để bầu Quốc hội. Chính

quyền Nhà nước đã động viên và tổ chức toàn dân đứng lên chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự do, hạnh phúc, phú cường.

Chủ tịch Hồ Chí Minh (2011, tập 4: 49) khẳng định: “Chính phủ tỏ rõ ý muốn duy nhất là làm sao đem lại cho dân chúng được tự do độc lập hoàn toàn và để cho tất cả mọi phần tử quốc dân được hưởng tự do độc lập ấy như muôn vật được hưởng ánh sáng mặt trời”.

Về *đối ngoại*, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã dựa vào sức mạnh đoàn kết dân tộc, phát huy yếu tố chính nghĩa của cuộc đấu tranh vì độc lập tự do, sớm thi hành chính sách đối ngoại mở cửa và hội nhập, “làm bạn với mọi nước dân chủ, không gây thù oán với một ai”, dùng biện pháp chủ yếu là đối thoại với các thế lực đế quốc, chuyển từ đối đầu về quân sự sang đối thoại hòa bình, nỗ lực cứu vãn nền hòa bình, tránh một cuộc chiến tranh, nhất là một cuộc chiến tranh xảy ra quá sớm; tranh thủ mọi khả năng để hòa hoãn với kẻ thù, kiên trì, nhẫn nại nhưng không nhu nhược, tranh thủ khả năng hòa bình, nhưng không tuyệt đối hóa khả năng đó, mà vẫn chủ động chuẩn bị lực lượng để đối phó với khả năng chiến tranh.

Thành công của quá trình xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để lại những kinh nghiệm lịch sử quý báu:

Thứ nhất, phải luôn khẳng định Nhà nước là của nhân dân. Tất cả mọi

quyền lực trong bộ máy Nhà nước đều thuộc về nhân dân.

Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 1946 ghi rõ: “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”; “Những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết”.

Nhà nước là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, dân có vị thế là chủ, nên nhân dân là người có quyền kiểm soát Nhà nước. Mặt khác dân làm chủ, nên dân vừa có quyền lại vừa có nghĩa vụ đối với Nhà nước của mình. Nhân dân có quyền bầu ra các đại biểu và ủy quyền cho những đại biểu đó bàn và quyết định những vấn đề quốc kế, dân sinh. Mặt khác dân cũng có quyền bãi miễn những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu đó tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Quyền lực của nhân dân luôn ở vị trí cao nhất, nên Nhà nước phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân bằng thiết chế dân chủ. Những người lãnh đạo, những đại biểu của nhân dân, nhất là những người trong các cơ quan công quyền phải làm đúng chức trách của mình.

Thứ hai, phải làm cho dân có đủ năng lực xây dựng nhà nước, thực hiện việc nước là việc chung, mỗi người đều phải có trách nhiệm ghé vai gánh vác một phần.

Hiến pháp 1946 thể hiện rõ Nhà nước là do dân lập ra và do nhân dân quản lý, cụ thể là: (1) Tất cả công dân bầu ra Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, nắm quyền lập pháp. Thông qua Quốc hội, việc quản lý và điều hành mọi công việc của bộ máy nhà nước đều thực hiện ý chí của dân; (2) Quốc hội, theo chế độ dân chủ đại diện, bầu ra Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, và Hội đồng Chính phủ - cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước, có trách nhiệm chấp hành pháp luật và thực hiện các nghị quyết của Quốc hội.

Thứ ba, Nhà nước phải vì dân, lấy lợi ích của nhân dân làm mục tiêu hành động.

Nhà nước phải làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, được học hành. Việc gì lợi cho dân phải hết sức làm. Việc gì hại cho dân phải hết sức tránh. Ngoài lợi ích chính đáng của nhân dân, của dân tộc, Nhà nước không thể có bất cứ một lợi ích nào khác. Phải xây dựng một Nhà nước trong sạch, không có đặc quyền đặc lợi. Từ Chủ tịch nước đến công chức đều phải vì dân, đều là “công bộc” của dân, làm việc do dân ủy thác.

Hồ Chí Minh luôn khẳng định: Chỉ có thực hiện dân chủ thực sự cho dân, nâng cao địa vị, quyền hành và năng lực làm chủ của nhân dân, chịu trách nhiệm trước dân, trọng dân, học dân, hiểu dân, hỏi dân, bàn bạc và giải thích cho dân thì Chính phủ mới được dân tin, dân phục, dân yêu. Nếu không thế mà cứ hành động theo kiểu

làm bằng được, bất chấp lòng dân, ý dân thì dân oán; “dân oán, dù tạm thời may có chút thành công, nhưng về mặt chính trị là thất bại” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 5: 333).

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy “Nước lấy dân làm gốc”. Theo đó, Chính phủ phải: “Đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân”. Chính phủ phải thật sự là công bộc của dân, dựa vào trí tuệ và lực lượng của dân, giữ chặt mối liên hệ với dân và luôn luôn lắng nghe ý kiến của dân, đó là nền tảng lực lượng của Chính phủ. “Cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 5: 236).

Thứ tư, Nhà nước phải quản lý xã hội bằng Hiến pháp, pháp luật.

Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm lo việc xây dựng Hiến pháp làm cơ sở, sau này mặc dù trong điều kiện chiến tranh, vẫn từng bước xây dựng hệ thống pháp luật, nhằm điều hành nhà nước và xã hội có hiệu quả bằng pháp quyền.

Một Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ không chỉ được xây dựng trên cơ sở hợp pháp, hợp hiến, mà còn phải quản lý, điều hành đất nước bằng hiến pháp, pháp luật, đồng thời xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài.

Thứ năm, phải xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh và hoạt động hiệu quả.

Ngay từ đầu trong việc xây dựng bộ máy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm đề phòng, khắc phục biểu hiện tiêu cực trong bộ máy nhà nước; vừa chú trọng giáo dục cán bộ, công chức, vừa tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật.

Trong bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, phải thật sự công tâm và chặt chẽ. Những người tài cao, đức tốt, có uy tín cao trong nhân dân cần phải được bố trí, đề bạt với cương vị tương xứng. Những người dù tài giỏi đến đâu, nhưng có biểu hiện suy thoái về đạo đức, bị nhân dân oán ghét thì kiên quyết xử lý. Đồng thời chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công chức nhà nước để họ yên tâm với công việc, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân.

Thứ sáu, trong hệ thống chính trị của đất nước sau Cách mạng tháng 8 không chỉ có đảng và chính quyền nhà nước, mà còn có những thành tố khác như Mặt trận Dân tộc thống nhất (Việt Minh và Liên Việt), Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam... Mỗi thành tố có vai trò, chức năng, nhiệm vụ riêng, nhưng đều thống nhất ở mục tiêu chung là đưa kháng chiến đến thắng lợi, kiến quốc đến thành công.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng thể chế chính trị, trước hết cần cải cách tổ chức và đổi mới hoạt động của bộ máy nhà nước theo hướng phát huy ngày càng đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân bằng

những quy chế cụ thể. Việc ban hành, sửa đổi chính sách, pháp luật phải dựa trên cơ sở trưng cầu ý kiến rộng rãi trong nhân dân. Thực hành đúng quy chế dân chủ ở cơ sở, bảo đảm trên thực tế dân được biết, được nói, được bàn, được kiểm tra, giám sát, được lựa chọn và bãi miễn đại biểu do mình bầu ra. Đại hội XIII của Đảng (1/2021) đã xác định rõ: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1: 174).

Để tiếp tục phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân cần phải: “Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là việc thực thi tinh thần “thượng tôn pháp luật”, gương mẫu tuân theo pháp luật, kỷ cương và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên; tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1: 202).

Cùng với xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng bộ máy, cải cách thể chế hành chính, Đảng, Nhà nước phải có quy hoạch, đào tạo, bồi

dưỡng, quản lý sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức một cách toàn diện, coi trọng cả đức lẫn tài, trong đó đức là gốc. Trong xác định tiêu chuẩn, cụ thể hóa tiêu chuẩn với từng chức danh cán bộ, công chức, phải coi trọng hàng đầu đến quan điểm quần chúng, thái độ phục vụ nhân dân. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, cần đặc biệt coi trọng bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lập trường giai cấp, động cơ học tập, rèn luyện, phấn đấu; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện thử thách trong hoạt động thực tiễn ở địa phương, cơ sở.

Việt Nam đang trong quá trình đẩy mạnh phát triển nền kinh tế thị trường, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. “Thang giá trị” đạo đức được hình thành trong thời kỳ chiến tranh, bao cấp, nay có nhiều nội dung cần được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với bối cảnh mới. Ví thể, Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh giải pháp “nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức cách mạng phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc để làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự giác tu dưỡng, rèn luyện, tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong công việc hằng ngày” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 2: 237). Các chuẩn mực đạo đức xác định phải ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, giám sát.

Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

và về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các đặc trưng cơ bản, qua đó tạo sự đồng thuận, thống nhất trong nhận thức và hành động của cấp ủy, chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn Việt Nam sẽ phát huy tối đa các nguồn lực của đất nước phục vụ yêu cầu xây dựng đất nước Việt Nam phồn thịnh, hạnh phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. KẾT LUẬN

Lựa chọn con đường phát triển cho đất nước, từng bước hình thành mô hình nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là kết quả của cả quá trình phát triển nhận thức của Đảng, là những đóng góp lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngay từ khi còn phôi thai đến lúc được xây dựng và củng cố đã trải qua những thử thách vô cùng cam go, không chỉ trong hơn một năm sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, mà còn trong suốt hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Quá trình thiết lập và xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không chỉ có giá trị về mặt lịch sử, mà còn có ý nghĩa thực tiễn lớn đối với

công cuộc xây dựng hệ thống chính trị quyền xã hội chủ nghĩa ngày nay nói
nói chung, xây dựng Nhà nước pháp riêng. □

CHÚ THÍCH

(1) Ngày 25/10/1941, Việt Minh công bố *Tuyên ngôn, Chương trình cứu nước*, tuyên bố trước quốc dân đồng bào về sự ra đời của Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh). *Chương trình* của Việt Minh nêu rõ: “Sau khi đánh đổ được đế quốc phát xít Nhật - Pháp, sẽ lập nên Chính phủ cách mạng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, theo tinh thần dân chủ, lấy cờ đỏ giữa có ngôi sao vàng năm cánh làm cờ chung của đất nước. Chính phủ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, do Quốc dân đại hội cử lên” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, tập 7: 467).

(2) Lực lượng Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc) do Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam... cầm đầu và Việt Nam cách mạng đồng minh hội (Việt Cách) do Nguyễn Hải Thần nắm giữ. Việt Quốc và Việt Cách từ lâu sống dưới bóng của chính quyền Tưởng Giới Thạch ở Trung Quốc, theo chân Quân đội Tưởng kéo về nước chống phá cách mạng.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1998. *Văn kiện Đảng toàn tập* – Tập 2. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2000. *Văn kiện Đảng toàn tập* – Tập 6, 7, 8. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* – Tập 1, 2. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
4. Hồ Chí Minh. 2000. *Toàn tập* – Tập 1, 2, 3, 4, 5, 7, 12. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
5. Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam. 2006. *Lịch sử Chính phủ Việt Nam (1945 - 1955)* – Tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. *Sự thật* (báo). Số 10, ngày 9/1/1946.
7. Trần Dân Tiên. 2005. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia và Nxb. Trẻ.
8. *Việt Nam Dân quốc công báo*, ngày 29/9/1945.
9. Nguyễn Văn Tố. 1955. *Chặt xiềng*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.